TOÀ AN NHÂN DÂN **THỊ XÃ G** **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **32**/2022/QĐST-HNGĐ	*G, ngày 08 thAng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA AN

Căn cứ vào cAc Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa An;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 212 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa An ngày 18 thAng 01 năm 2022 và yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của cAc bên tham gia hòa giải.

XÉT THẤY

CAc bên tham gia hòa giải có đủ năng lực hành vi dân sự; cAc bên là người có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận và nội dung thỏa thuận của cAc bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật, không trAi đạo đức xã hội, không nhằm trốn trAnh nghĩa vụ đối với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cA nhân khAc;

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa An nhận được biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, cAc bên không có thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa An giữa cAc bên:

- Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị Mỹ A**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp Khúc Tréo B, xã Tân Phong, thị xã G, tỉnh B.

- Người bị kiện: Ông **Phú Văn H**, sinh năm 1962

Địa chỉ: Ấp Khúc Tréo B, xã Tân Phong, thị xã G, tỉnh B.

2. Những nội dung hòa giải thành được công nhận cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ A và ông Phú Văn H thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Phú Kim Th, sinh năm 1989; chị Phú Kim M, sinh năm 1991, chị Phú Kim M, sinh năm 1991 và chị Phú Kiều M, sinh năm 2001 đều đã trưởng thành, có thể tự lao động nuôi sống bản thân, bà Mỹ A và ông Hiếp đều không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

2.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ A và ông Phú Văn H thống nhất xAc định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa An giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ A và ông Phú Văn H thống nhất xAc định không có, không yêu cầu Tòa An giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Quyết định này có hiệu lực phAp luật và không bị khAng cAo, khAng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. CAc đương sự có quyền đề nghị xem xét lại quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định. Viện kiểm sAt nhân dân cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã G;
- THADS thị xã G;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- CAc bên tham gia hòa giải;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHAN

Trần Duy Khánh